

Biểu mẫu 10

(Kèm theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG THPT KRÔNG NÔ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2024-2025

STT	Nội dung	Tổng số	Chia theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1583	554	525	504
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	90.46%	88.09%	88.62%	92.08%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	7.45%	9.79%	9.96%	4.58%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	1.33%	1.34%	1.22%	3.33%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.76%	0.58%	0.20%	0.00%
II	Số học sinh chia theo học lực	1583	554	525	504
1	Giỏi/tốt (tỷ lệ so với tổng số)	32.47%	20.40%	38.29%	39.68%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	42.07%	42.24%	40.38%	50.00%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	24.76%	31.67%	20.19%	10.32%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0.69%	0.90%	1.14%	0.00%
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	1583	554	525	504
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	99.31%	99.1%	99,1%	
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	5,3%	5,0%	5,2%	5,6%
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	18.76%	16.82%	18.74%%	20.20%
c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0.69%	0.90%	1.14%	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0.62%	1.15%	0.1%	
4	Chuyển trường đi	0.36%	0.00%	0.8%	0.24%

	(tỷ lệ so với tổng số)				
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0.00%	0.00%	0.00%	0.00%
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				50
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh				50
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	504	0	0	504
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	503	0	0	503
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)				65%
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)				5%
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	637/946	216/338	211/314	210/294
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	258	91	69	98

Krông Nô, ngày 26 tháng 9 năm 2025
HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Chung